

DỰ THẢO ÁN LỆ SỐ 06/2026¹

ÁN LỆ SỐ /2026/AL

Về quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm sau khi người bị xâm phạm chết

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào ngày tháng năm 2026 và được công bố theo Quyết định số /QĐ-CA ngày tháng năm 2026 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn án lệ:

Bản án phúc thẩm số 185/2023/DS-PT ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về vụ án dân sự “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm*” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N với bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Lê Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm 07 người.

Vị trí nội dung án lệ:

Đoạn 24 phần “*Nhận định của Tòa án*”.

Khái quát nội dung của án lệ:

- *Tình huống án lệ:*

Cá nhân bị xâm phạm về sức khỏe. Kể từ thời điểm sức khỏe bị xâm phạm đến khi chết, người này chưa yêu cầu người gây thiệt hại bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm.

- *Giải pháp pháp lý:*

Trường hợp này, Tòa án phải xác định người thừa kế có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe của người đã chết bị xâm phạm, tiền bồi thường thiệt hại là di sản thừa kế và được chia thừa kế khi có yêu cầu.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

Các điều 590, 614 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ khóa của án lệ:

“*Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm*”; “*Người có sức khỏe bị xâm phạm chết*”; “*Người thừa kế yêu cầu bồi thường*”; “*Di sản thừa kế*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ gia đình, bà Nguyễn Thị N là em ruột của bà Nguyễn Thị X, bà X không có chồng, con, cha mẹ ruột của bà X chết trước bà X.

¹ Dự thảo án lệ này do GS.TS. Đỗ Văn Đại, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất.

Vào lúc khoảng 04 giờ sáng ngày 29-3-2019, bà X đi khám bệnh, sau khi bắt số khám bệnh xong, bà X đi bộ ra chợ, khi bà X băng qua đường ngay ngã tư Quốc lộ 50 giao với đường T, thị trấn Đ thì xảy ra tai nạn giao thông với xe ô tô khách biển số 51B-120.98 do ông Lê Văn L điều khiển, chạy theo hướng từ đường T rẽ trái qua Quốc lộ 50, xe này do bà Nguyễn Thị Ngọc T làm chủ sở hữu. Khi ông L rẽ trái thì gây tai nạn giao thông cho bà X. Theo sơ đồ hiện trường cho thấy ông L điều khiển xe không đảm bảo an toàn nên mới gây tai nạn giao thông cho bà X.

Theo bà N, việc điều trị tai nạn giao thông cho bà X có 02 giai đoạn: Giai đoạn 1 từ ngày 29-3-2019 đến ngày 13-5-2019; Giai đoạn 02 từ ngày 13-5-2019 đến ngày 28-8-2019.

Giai đoạn 1, bà X được đưa đi điều trị tại Bệnh viện C Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 05 ngày, tại đây Bệnh viện đã chỉ định cắt bỏ bàn chân phải của bà X, sau đó chuyển viện cho bà X tiếp tục điều trị tại Bệnh viện P Thành phố Hồ Chí Minh, điều trị tại đây đến ngày 18-4-2019 thì vết thương của bà X bị hoại tử nên mới chuyển viện cho bà X đến Bệnh viện C Thành phố Hồ Chí Minh điều trị tiếp và cho mổ lần hai, lần này, Bệnh viện chỉ định cắt bỏ thêm một đoạn chân phải của bà X lên $\frac{1}{2}$ xương cẳng chân. Trong quá trình điều trị cho bà X, bà T và ông L không có thiện chí hỗ trợ chăm sóc cho bà X, các chi phí điều trị tại các bệnh viện này do bảo hiểm xã hội chi trả chứ bà T và ông L không có chi trả. Khi chăm sóc bà X tại bệnh viện thì bà N và bà T thay nhau chăm sóc, mỗi người ở một ngày tuy nhiên, có ngày bà T để bà X ở lại bệnh viện một mình, không chăm sóc bà X nên bà X đã bị té ở bệnh viện. Trong thời gian bà X điều trị ở Bệnh viện P Thành phố Hồ Chí Minh bà T có thuê bà Nguyễn Thị N1 chăm sóc cho bà X với số tiền là 8.000.000 đồng/tháng, nhưng bà T không ứng tiền để trả tiền công cho người chăm sóc nên chỉ chăm sóc được khoảng hơn 10 ngày thì bà N1 không làm nữa, bà T chỉ trả tiền công cho người chăm sóc là 2.000.000 đồng và bà N phải trả tiền thêm công chăm sóc là 1.000.000 đồng cho người chăm sóc là bà N1. Sau khi vết mổ lần hai ở bệnh viện C, bà N và bà T cùng thống nhất với nhau là đưa bà X về nhà để chăm sóc, tuy nhiên bà T không có thuê người chăm sóc và cũng không đến chăm sóc cho bà X nên khi ở nhà bà X lại tiếp tục té, cần lên trên vết thương vào ngày 13-5-2019.

Giai đoạn 2, ngày 13-5-2019, khi bà T đưa bà X tái khám tại Bệnh viện C Thành phố Hồ Chí Minh. Bác sĩ chỉ định cho bà X nhập viện nhưng bà T không đồng ý. Vì vậy, bà N đã đưa bà X đến nhập viện tại Bệnh viện N, tại đây bà X điều trị 31 ngày thì xuất viện. Đến ngày 24-6-2019, bà X tiếp tục nhập viện tại Bệnh viện N lần 2, đến ngày 12-7-2019 thì xuất viện. Đến ngày 23-8-2019, bà X nhập viện điều trị tại Bệnh viện R đến ngày 28-8-2019 thì bà X chết. Ngoài ra, bà X có điều trị tại Bệnh viện đa khoa Long An các ngày 06-8-2019 và 23-8-2019 nhưng bà đã bị thất lạc chứng từ nên bà N không trình bày trong đơn khởi kiện. Từ ngày 13-5-2019, bà T không đến thăm hỏi bà X nữa, cho đến ngày bà X chết. Khi xảy ra tai nạn giao thông, bà N có yêu cầu cơ quan chuyên môn giám định thương tích cho bà X nhưng cơ quan chuyên môn không thực hiện, đến khi bà X mất thì cơ quan chuyên môn mới đến yêu cầu khám nghiệm tử thi, do đã đến ngày

chôn cất nên gia đình bà không đồng ý cho khám nghiệm tử thi. Sau đó, trung cầu giám định trên hồ sơ xác định tỷ lệ thương tích do tai nạn giao thông là 48%.

Nay, bà N yêu cầu bà T và ông L có trách nhiệm bồi thường thiệt hại bao gồm các khoản chi phí sau: Chi phí điều trị tại Bệnh viện N, Bệnh viện R, chân giả cho bà X với tổng số tiền là 69.496.216 đồng trong đó, viện phí là 15.496.216 đồng, tiền dung dịch NP tế bào máu là 27.000.000 đồng, chân giả là 27.000.000 đồng; chi phí di chuyển từ ngày 13-5-2019 đến ngày 28-8-2019: 3.797.000 đồng; hợp đồng thuê người chăm sóc cho bà X từ ngày 13-5-2019 đến ngày 28-8-2019: 28.300.000 đồng; tiền thuê người chăm sóc còn nợ: 1.000.000 đồng. Tiền này bà T đồng ý thuê người để chăm sóc cho bà X nhưng bà T đưa tiền để trả không đủ, bà phải trả thay cho bà T 1.000.000 đồng nên nay bà N yêu cầu bà T hoàn trả lại (thuê 10 ngày từ ngày 04-4-2019 đến ngày 13-4-2019); tiền mất thu nhập của bà X tính từ ngày 29-3-2019 đến ngày 28-8-2019 là 151 ngày, tiền công mỗi ngày là 150.000 đồng, thành tiền 22.650.000 đồng; tiền mất thu nhập của bà N tính từ ngày 29-3-2019 đến ngày 28-8-2019 là 142 ngày (trong đó từ ngày 04-5-2019 đến ngày 13-5-2019, bà N không yêu cầu), thu nhập mỗi ngày của bà N là 250.000 đồng, thành tiền là 35.500.000 đồng. Do bà N là người trực tiếp chăm sóc cho bà X; chi phí sinh hoạt, ăn uống bồi dưỡng sức khỏe cho bà X tính từ ngày 13-5-2019 đến ngày 28-8-2019 là 23.470.500 đồng, 5 cụ thể: ngày 13-5-2019-18-5-2019 là 761.000 đồng do bà Nguyễn Thị G chi; ngày 18-5-2019 đến ngày 14-6-2019 là 6.835.000 đồng do bà Nguyễn Thị T1 chi; ngày 24-6-2019 đến ngày 12-7-2019 là 8.830.000 đồng do bà Nguyễn Thị T1 chi; ngày 12-7-2019 đến ngày 31-7-2019 là 2.360.000 đồng do bà Trần Thị Bích H1 chi; ngày 01-8-2019 đến ngày 24-8-2019 là 4.684.500 đồng do bà Lê Thị T2 chi. Những người chi tiền là những người được bà N thuê để chăm sóc cho bà X. Bà N và người chăm sóc có thỏa thuận bà N ứng tiền ra trước khoảng 3-5 ngày thì 02 bên quyết toán với nhau; chi phí mai táng: 122.703.000 đồng, bao gồm: tiền chợ 18.503.000 đồng; tiền hoa quả bánh 1.850.000 đồng; tiền thọ hòm 42.350.000 đồng; tiền làm mộ trọn gói 60.000.000 đồng; tiền bồi thường tổn thất tinh thần (cho người bị thiệt hại và thân nhân người bị thiệt hại) theo quy định của pháp luật là không quá 50 lần mức lương cơ sở: 74.500.000 đồng (1.490.000 đồng x 50), tổng cộng: 381.416.716 đồng.

Căn cứ để bà N yêu cầu bồi thường là căn cứ theo quy định pháp luật và chi phí thực tế phát sinh. Các khoản chi phí bà N yêu cầu là từ lúc bà X nhập viện bệnh viện N cho đến khi bà X chết, các chi phí này do bà N chi phí ra. Còn lúc bà X điều trị ở bệnh viện C Thành phố Hồ Chí Minh và Bệnh viện P Thành phố Hồ Chí Minh do cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả. Mặc dù, gia đình bà X từ chối khám nghiệm tử thi khi bà X chết, nhưng vì bà T đã không chăm sóc tốt cho bà X trong quá trình điều trị nên bà X mới bị suy nhược cơ thể, có bệnh án điều trị vết thương liên quan đến tai nạn giao thông, sau đó bà X bệnh và chết nên bà N yêu cầu bà T và ông L phải có trách nhiệm bồi thường chi phí mai táng cho bà X.

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà C, bà B, bà N không trình bày gì thêm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Vào lúc 04 giờ 45 phút ngày 29-3-2019, bà T xác định xe ô tô khách biển số 51B-120.98 do bà T làm chủ có gây ra tai nạn cho bà Nguyễn Thị X. Khi xảy ra tai nạn, bà T có mặt trên xe. Bà T đã đưa bà X đi cấp cứu tại bệnh viện CĐ, sau đó chuyển viện lên Bệnh viện C Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi bệnh viện cho phẫu thuật cắt bỏ bàn chân thì đưa bà X qua Bệnh viện P Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều trị. Nhưng khi điều trị tại Bệnh viện P Thành phố Hồ Chí Minh vết thương của bà X bị hoại tử nên chuyển bà X về Bệnh viện C Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 18-4-2019. Sau khi phẫu thuật lần thứ hai, Bệnh viện C Thành phố Hồ Chí Minh cho xuất viện về Bệnh viện huyện CĐ để điều trị tiếp, bà X về nhà không ở Bệnh viện CĐ, bà T phải thuê nhân viên y tế ở bệnh viện CĐ đến nhà bà X để vệ sinh vết thương cho bà X mỗi ngày. Trong thời gian bà X ở nhà dưỡng bệnh, bà T đã đến nhà bà X ở để chăm sóc, mua đồ ăn cho bà X mỗi ngày. Trong thời gian ở Bệnh viện C Thành phố Hồ Chí Minh, bà T là người trực tiếp chăm sóc, có những khi bà T bận việc kinh doanh thì bà T có thuê người chăm sóc cho 6 bà X là người tại bệnh viện, bà cũng nhờ vợ của ông Lê Văn L lên ngủ ban đêm để phụ chăm sóc cho bà X.

Vào đêm ngày 12-5-2019, bà T về nhà, bà T có nhờ vợ ông L đến ngủ một đêm, sáng ngày 13-5-2019 bà T đến để đưa bà X đi tái khám. Nhưng vào sáng ngày 13-5-2019, vợ ông L đưa con đi học, khi bà T xuống nhà bà X không gặp vợ ông L và có được nghe nói lại là bà X mới té. Sau đó, bà T thuê xe đưa bà X đến Bệnh viện C Thành phố Hồ Chí Minh để tái khám, khi tái khám xong, chờ nhận thuốc thì bà N đã đưa bà X đi đâu không rõ. Khi bà T liên lạc lại thì bà N nói là đã đưa bà X qua Bệnh viện N và yêu cầu bà T phải đưa chứng minh nhân dân và thẻ bảo hiểm y tế của bà X qua bệnh viện N. Bà N đưa điện thoại cho người khác và người này hăm dọa bà T nên bà T mới quay về Công an huyện CĐ trình báo sự việc mà không đến Bệnh viện N. Sau đó, bà T đã trả lại chứng minh nhân dân và thẻ bảo hiểm y tế cho cháu bà X tại Công an huyện CĐ và bà T có trình báo là bà N đưa bà X đi đâu bà T không biết để tìm. Công an huyện CĐ đã xác minh và được biết bà N đưa bà X đi điều trị tại Bệnh viện N và ở Viện dưỡng lão Long An.

Khi bà X chết, hàng xóm của bà X, có gọi điện thoại báo cho bà T biết là bà X chết. Sau đó, bà T đã báo Công an nhờ xác minh, Công an huyện CĐ đến nhà thì gia đình bà X không cho tiến hành khám nghiệm tử thi. Trước đó, khi bà X còn sống, bà T đã cho tiến hành giám định pháp y vết thương của bà X và xác định là tỷ lệ tổn thương cơ thể là 48%, không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Xe ô tô biển số 51B-120.98 là của bà T bỏ tiền ra mua nhưng do Hợp tác xã vận tải chỉ bán xe cho người có hộ khẩu tại Thành phố Hồ Chí Minh nên bà T nhờ ông Đỗ Thanh V đứng ra mua dùm bà, ông V là lái xe thuê cho bà T trước đây. Sau đó, ông V và vợ ông V là bà Lương Quế H ủy quyền lại cho bà toàn quyền sử dụng, định đoạt và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với xe ô tô trên.

Trong thời gian bà X điều trị thương tích, bà T đã chi các khoản chi phí như sau: Tại Bệnh viện C Thành phố Hồ Chí Minh: Ngày 04- 5-2019 bà T thanh toán 498.556 đồng; ngày 02-4-2019 bà T thanh toán 841.486 đồng; ngày 02-4-2019 bà T thanh toán 841.500 đồng; ngày 13-5-2019 bà T thanh toán 3.900 đồng; ngày

04-5-2019 bà T thanh toán 498.600 đồng; ngày 29-3-2019 bà T thanh toán 177.000 đồng. Tổng cộng 2.861.042 đồng; tại Bệnh viện P Thành phố Hồ Chí Minh; ngày 18-4-2019 bà T thanh toán 136.036 đồng; ngày 19-4-2019 bà T thanh toán 02 hóa đơn 100.000 đồng và 36.036 đồng. Tổng 272.072 đồng; tại Trung tâm y tế huyện CD: ngày 29-3-2019 bà T thanh toán 86.000 đồng; chi phí di chuyển từ ngày 29-3-2019 đến ngày 13-5-2019 chở bà X đi điều trị từ CD đến các Bệnh viện đi 04 lần là 3.900.000 đồng; 03 lần với số tiền 1.000.000 đồng (không hóa đơn) và 01 lần 900.000 đồng (có hóa đơn); tiền thuê người chăm sóc bà X tại Bệnh viện tổng cộng 70 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng, tổng 28.000.000 đồng; tiền ăn uống cho bà X mỗi ngày 200.000 đồng x 70 ngày = 14.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà T đã chi ra là 49.119.114 đồng.

Do bà X là đối tượng được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán chi phí điều trị nên bà T chỉ thanh toán một phần chi phí điều trị cho bà X, phần còn lại là do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán. Trong tổng số tiền bà T đã chi ra, trong đó có 10.000.000 đồng của ông L đưa cho bà để phụ lo chi phí điều trị cho bà X.

Trong thời gian ở Bệnh viện P Thành phố Hồ Chí Minh, bà T và bà N có thống nhất thỏa thuận thuê bà Nguyễn Thị N1 là cháu bà X lên chăm sóc cho bà X với mức lương là 8.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, bà N1 lên được khoảng 07 ngày thì bà N1 nói không ở được nữa do còn việc gia đình, bà T có trả tiền công chăm sóc cho bà N1 là 2.000.000 đồng. Bà T đã trả cho người được thuê 2.000.000 đồng nên không có việc còn nợ lại tiền thuê người chăm sóc.

Bà T chỉ đồng ý bồi thường các khoản chi phí từ ngày 29-3-2019 đến ngày 13-5-2019. Trong thời gian này bà T đã chi phí xong; còn các khoản chi phí phát sinh sau ngày 13-5-2019 thì bà không đồng ý bồi thường. Lý do: ngày 13-5-2019, khi bà T đưa bà X đi tái khám tại Bệnh viện C Thành phố Hồ Chí Minh thì tự ý bà N đưa bà X đi nơi khác không thông báo cho bà biết. Do đó, bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N. Trường hợp, Tòa án buộc phải bồi thường cho bà N thì bà đồng ý liên đới cùng ông L.

Bị đơn ông Lê Văn L trình bày:

Nguyên nhân xảy ra tai nạn giao thông theo ông L là do bà X khi băng qua đường không đúng vạch dành cho người đi bộ và bà X là người cao tuổi khi ra đường không có người chăm sóc đi cùng nên tai nạn xảy ra cũng có lỗi của bà X. Do đó, ông không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N. Quá trình điều trị thương tích cho bà X thì bên gia đình ông cùng bà T đã chăm sóc cho bà X và ông cũng đã bỏ ra số tiền 10.000.000 đồng để lo chi phí cho bà X. Trường hợp Tòa án buộc phải bồi thường cho bà N thì ông đồng ý liên đới cùng bà T bồi thường thiệt hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh V, bà Lương Quế H trình bày:

Ông V và bà H là vợ chồng. Trước đây, ông V là lái xe cho bà Nguyễn Thị Ngọc T. Ông V làm lái xe cho bà T được khoảng 01, 02 năm thì bà T có mua lại xe ô tô khách nhãn hiệu T mang biển số 51B-120.98. Xe này trước đó là của một hợp tác xã vận tải đứng tên nhưng lâu quá ông V không nhớ là của hợp tác xã nào.

Tuy nhiên vì xe ô tô này mang biển số của Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bà T có nơi đăng ký thường trú ở Long An nên không đứng tên đăng ký chủ sở hữu xe này được. Vì vậy, bà T có nhờ ông V đứng tên giùm xe ô tô khách nhãn hiệu T mang biển số 51B-120.98. Lúc đầu, ông V cũng không muốn đứng tên giùm vì sợ phiền phức về pháp luật nhưng thời điểm đó, ông V còn lái xe cho bà T nên ông V mới đồng ý đứng tên giùm bà T.

Sau khi ông V được đứng tên xe ô tô này thì ông V cùng vợ là bà Lương Quế H ký kết hợp đồng ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt xe ô tô nêu trên. Hợp đồng ủy quyền này được 8 công chứng tại Phòng Công chứng V, có số công chứng 011916, quyền số 11.TP/CC-SCC/HĐGD. Các loại giấy tờ đăng ký ô tô của xe ô tô này ông V không có giữ, vì đây không phải là tài sản của ông V. Ông V chỉ đứng tên giùm cho bà T. Trước khi xảy ra vụ tai nạn giao thông của bà Nguyễn Thị X khoảng 01 năm thì ông V đã không còn làm lái xe cho bà T nữa. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong vụ án này, ông V xác định, ông V không phải là chủ xe, chỉ đứng tên giùm.

Bà Lương Quế H thống nhất với lời khai của ông V, không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An trình bày ý kiến tại Văn bản số 1167/BHXXH-GĐBHYYT ngày 26-5-2022 như sau:

Bệnh viện C Thành phố Hồ Chí Minh và Bệnh viện P Thành phố Hồ Chí Minh tiếp nhận khám và điều trị bệnh theo chế độ Bảo hiểm y tế cho bà Nguyễn Thị X, có mã thẻ BHYT: CK 2 808022679761 là đúng theo quy định hiện hành.

Căn cứ Khoản 16 Điều 1 Luật số 46/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế ngày 13/6/2014 (bãi bỏ Khoản 10 và Khoản 12 Điều 23 Luật bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008), quỹ bảo hiểm y tế chi trả cho người có thẻ Bảo hiểm y tế trong trường hợp khám và điều trị bệnh do tai nạn giao thông là đúng quy định. Do vậy, Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An không có yêu cầu bồi thường cho quỹ bảo hiểm y tế chi phí khám chữa bệnh cho bà Nguyễn Thị X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần bảo hiểm V trình bày:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm, Công ty Cổ phần Bảo hiểm V không liên quan đến tranh chấp này vì giữa Công ty Cổ phần Bảo hiểm V và ông V, bà T là mối quan hệ hợp đồng bảo hiểm.

Về việc yêu cầu giải quyết yêu cầu bồi thường bảo hiểm, ngày 20-3-2020, Công ty Cổ phần Bảo hiểm V nhận được Thông báo tai nạn và yêu cầu giải quyết bồi thường bảo hiểm đối với tai nạn ngày 29-3-2019 của xe ô tô biển số 51B1-120.98. Theo đó bà Nguyễn Thị Ngọc T đại diện chủ xe yêu cầu Công ty Bảo hiểm V bồi thường thiệt hại gây ra cho bên thứ ba trong vụ tai nạn nêu trên. Ngày 22-11-2021, Công ty Cổ phần Bảo hiểm V đã gửi thông báo khách hàng/đại diện chủ xe là bà T về việc Công ty Cổ phần Bảo hiểm V đồng ý bồi thường thiệt hại nêu trên với số tiền 41.000.000 đồng. Tuy nhiên đến nay, chủ/đại diện chủ xe là bà T vẫn chưa cung cấp số tài khoản cũng như chưa cung cấp chứng từ chứng minh việc đã thực hiện trách nhiệm bồi thường với bên thứ ba để Công ty Cổ phần

Bảo hiểm V có đủ cơ sở thanh toán số tiền bồi thường 41.000.000 đồng cho người được bảo hiểm.

Công ty Cổ phần bảo hiểm V đề nghị Tòa án tách nội dung tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm (nếu có) và người được bảo hiểm (ông Đỗ Thanh V) thành 01 vụ án khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Phương T1 trình bày:

Bà T1 là vợ của ông Lê Văn L. Trong khoảng thời gian từ ngày 29-3-2019 đến ngày 13-5-2019, bà có đến Bệnh viện C chăm sóc bà X thay cho bà T 04 đêm và tại Bệnh viện P là 03 đêm và tại nhà của bà X là 03 đêm. Trong khoảng thời gian bà ở chăm sóc cho bà X thì bà không có gặp bà N lần nào. Chỉ có cháu của bà X đến thăm rồi về chứ không có ở lại chăm sóc bà X. Bà T1 và ông L có đưa cho bà T số tiền 10.000.000 đồng để phụ chi phí chăm sóc điều trị cho bà X. Bà T1 xác định tiền này là tiền chung của vợ chồng và bà cũng thống nhất là để phụ với bà T chi phí chăm sóc điều trị cho bà X. Chiều tối ngày 12-5-2019, bà T nhờ bà T1 chăm sóc cho bà X 01 đêm. Đến sáng ngày 13-5-2019, bà T1 đưa con đi thi tốt nghiệp. Trước khi đi, bà T1 có dặn bà X nằm chờ bà T vào nhà để đưa bà X đi tái khám. Sau đó, bà T1 nghe tin bà X bị té.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà C, bà B đều xác định khi bà X bị tai nạn giao thông thì hai bà không có chăm sóc hay chi phí các khoản tiền nào cho việc chăm sóc bà X. Hai bà cũng không có tranh chấp gì về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại với bên gây tai nạn cho bà X.

Người làm chứng bà Lê Thị T2 trình bày:

Khi bà X nằm ở Trung tâm dưỡng lão H, bà N có thuê bà T2 chăm sóc cho bà X thời gian là một tháng (từ ngày 31-7-2019-ngày 31-8-2019) với mức tiền công là 6.000.000 đồng/tháng. Bà N đã trả đủ tiền công chăm sóc cho bà T2, bà T2 xác định có nhận của bà N số tiền 4.684.500 đồng để mua trái cây, đường sữa và đồ dùng thêm cho bà X trong thời gian bà T2 chăm sóc cho bà X.

Người làm chứng bà Trần Thị Bích H1 trình bày:

Bà H1 có nhận chăm sóc cho bà X tại Trung tâm dưỡng lão H, tổng thời gian bà H1 chăm sóc cho bà X tại trung tâm dưỡng lão là 19 ngày với tổng số tiền là 5.700.000 đồng. Bà N đã thanh toán xong tiền công cho bà H1, đồng thời bà H1 xác định có nhận của bà N số tiền 2.360.000 đồng để mua trái cây, đường sữa và đồ dùng thêm cho bà X trong thời gian bà H1 chăm sóc cho bà X.

Người làm chứng ông Trần Văn T3 trình bày:

Nhà ông T3 ở đối diện với nhà bà X. Sau thời gian bà X điều trị tại bệnh viện thì được đưa về nhà để dưỡng bệnh, trong thời gian này ông T3 có thấy bà chủ xe ở nhà bà X thường xuyên, bà chủ xe có qua tiệm tạp hóa của ông T3 mua đồ. Ông T3 có nghe bà chủ xe nói là bà phải đi theo xe, nên khi nào tới giờ xe chạy thì bà chủ xe đi. Vào ban đêm thì vợ tài xế vô ngủ cạnh chừng bà X. Khi bà

X chết, ông T3 có thấy chủ xe xuống thăm hỏi. Còn việc chăm sóc bà X giữa các bên thực hiện như thế nào thì ông T3 không biết được.

Còn đối với bà N, lâu lâu ông T3 mới thấy bà N xuống một lần. Theo ông T3 được biết, gia đình bà X là gia đình chính sách, có công với cách mạng nên được hưởng chế độ lĩnh tiền hàng tháng của Nhà nước, ngoài ra, bà X còn có nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh cho thuê, có đất ở PT cũng cho thuê để có thu nhập sinh sống.

Người làm chứng ông Nguyễn Thành T4 trình bày:

Khoảng 07 giờ sáng ngày 29-3-2019, xe cấp cứu chuyển viện cho bà X lên đến, ông T4 có thấy bà Nguyễn Thị Ngọc T là chủ xe có đi cùng xe cấp cứu. Nhưng sau đó, khoảng 10 giờ thì bà T đi đâu không rõ. Theo ông T4, bà X nằm viện điều trị tại bệnh viện thì bà T là chủ xe gây tai nạn cho bà X thiếu trách nhiệm với người bị tai nạn, không chăm sóc nhiệt tình đối với bà X. Trong thời gian ở tại Bệnh viện C Thành phố Hồ Chí Minh để phụ chăm sóc bà X ông T4 có nghe vợ tài xế gây tai nạn là ông L thỏa thuận đưa bà X 10.000.000 đồng để an ủi tinh thần cho bà X. Tuy nhiên thực tế là tiền này tài xế đưa cho bà T mà không đưa bà X. Khi bà X ở bệnh viện thì thỉnh thoảng ông cũng có đến chăm sóc cho bà X nhưng ông xác định ông không yêu cầu gì cho ông.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức quyết định:

Căn cứ Khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm d, điểm h khoản 1 Điều 40; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590, Điều 601 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ Điều 12, Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Lê Văn L về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Lê Văn L có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với chi phí đặt chân giả là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26-8-2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lê Văn L liên đới bồi thường thiệt hại tổng cộng là 381.416.716 đồng. Thời điểm tính bồi thường thiệt hại từ khi bà X bị tai nạn ngày 29-3-2019 đến ngày bà X chết ngày 28-8-2019.

Ngày 26-8-2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý bồi thường chi phí đặt chân giả 27.000.000 đồng vì không có chỉ định của bác sĩ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn và bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Lỗi tai nạn giao thông là do ông L gây ra, bà T chỉ chăm sóc 02 tháng, bà N chăm sóc 03 tháng. Trước đó bà X không có bị bệnh, nguyên nhân bà X chết là do tai nạn gây ra. Bảng kê chi phí chứng minh đang điều trị vết thương nhiễm trùng khu trú da. Bà N yêu cầu bồi thường là có cơ sở. Bồi thường tổn thất tinh thần do tính mạng bị xâm phạm thì người thừa kế của bà X được hưởng là có cơ sở. Theo văn bản của Bệnh viện Nguyễn Trãi xác nhận có điều trị vết thương của bà X do tai nạn giao thông gây ra nhưng bản án sơ thẩm nhận định không có điều trị cho bà X là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Không đồng ý bồi thường chân giả vì không có chỉ định của bác sĩ, các khoản khác mà bà N yêu cầu không phải do tai nạn gây ra.

Bị đơn ông Lê Văn L trình bày:

Bà X chết không liên quan đến tai nạn giao thông.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của bà N và bà T trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bà X điều trị tại Bệnh viện N và Bệnh viện R là điều trị các bệnh lý khác nên bà N yêu cầu bồi thường các khoản chi phí mai táng, thuê người chăm sóc, bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần, bồi dưỡng sức khỏe không có chỉ định của bác sĩ, không có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại xảy ra. Bà N yêu cầu trả 1.000.000 đồng tiền công chăm sóc nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bà X cho thuê ruộng để có thu nhập nên không ảnh hưởng đến thu nhập khi điều trị. Bà N có thuê người chăm sóc nên cũng không ảnh hưởng đến thu nhập. Bản án sơ thẩm chấp nhận tiền mua chân giả 27.000.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N và bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà N và bà T được làm đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh V, bà Lương Quế H, Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; các bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lê Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Những đương sự khác không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập.

[3] Căn cứ vào hồ sơ tai nạn giao thông được lưu tại Công an huyện CD, tỉnh Long An cùng lời khai của nguyên đơn, lời khai của các bị đơn thể hiện: Vào lúc 04 giờ 45 phút ngày 29-3-2019, xe ô tô khách biển số 51B-120.98 do ông Lê Văn L điều khiển lưu thông trên đường T theo hướng từ thị trấn CD đến xã L. Khi đến ngã đường T và QL50, L cho xe rẽ trái thì xảy ra va chạm với bà Nguyễn Thị X đi bộ từ lề phải sang lề trái QL50. Nguyên nhân gây ra tai nạn do Lê Văn L điều khiển đã vi phạm khoản 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ, hậu quả làm bà X bị thương phải phẫu thuật đoạn 1/3 chân phải, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 48%. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CD có Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 1403 ngày 04-11-2019.

[4] Ông Lê Văn L là người trực tiếp điều khiển phương tiện giao thông không đảm bảo an toàn nên gây tai nạn giao thông xâm phạm đến sức khỏe của bà X, nhưng ông L là người lái xe thuê cho bà T, được bà T trả tiền lương theo tháng, căn cứ theo hướng dẫn tại điểm a Điều 2 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06-9-2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì chủ sở hữu là người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp này. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông L đồng ý liên đới để bồi thường cho người bị thiệt hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Xét yêu cầu khởi kiện của bà N, cụ thể:

[5] Về chi phí khám, chữa bệnh: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N xác định trong giai đoạn điều trị cho bà X tại Bệnh viện C Thành phố Hồ Chí Minh và Bệnh viện P thì chi phí điều trị do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán một phần và bà T thanh toán một phần, nên bà N không tranh chấp chi phí điều trị trong giai đoạn này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Bà N chỉ yêu cầu bồi thường chi phí điều trị cho bà X trong giai đoạn bà X điều trị tại Bệnh viện N và Bệnh viện R viện phí là 15.496.216 đồng. Tất cả chi phí điều trị cho bà X tại 02 bệnh viện này điều do bà N chi phí ra.

[6] Giai đoạn điều trị tại Bệnh viện N: Theo hồ sơ bệnh án của bà X tại Bệnh viện N thể hiện bà X nhập viện tại Bệnh viện N 02 đợt: Đợt 1: từ ngày 13-5-2019 đến ngày 14-6-2019, chẩn đoán lúc vào viện: Chấn thương đầu, chóng mặt, tăng huyết áp; chẩn đoán lúc ra viện: Nhiễm trùng mồm cụt chân (P), viêm phổi, hen phế quản, suy kiệt, tăng huyết áp, bệnh tim thiếu máu cục bộ, rối loạn lipid máu, di chứng nhồi máu não, loạn thần cấp. Tại Tóm tắt hồ sơ bệnh án thể hiện: Vết thương mồm cụt nhiễm trùng viêm đỏ. Sau 01 tuần điều trị, mồm cụt còn đau ít tự mủ và máu bầm; điều trị: Kháng sinh, cây 13 mủ mồm cụt, thay băng vết thương mồm cụt hằng ngày nên có cơ sở xác định tại Bệnh viện N đợt 1 có điều trị vết thương của bà X do tai nạn giao thông gây ra. Tại Văn bản số 335/BVNT-KHTT

ngày 14-4-2023 của Bệnh viện N xác nhận có điều trị vết thương mồm cụt cẳng chân phải của bà Nguyễn Thị X với chi phí là 10.765.892 đồng.

[7] Đợt 2: từ ngày 24-6-2019 đến ngày 12-7-2019, chẩn đoán lúc vào: viêm phổi, hen phế quản, suy kiệt, tăng huyết áp, bệnh tim thiếu máu cục bộ, rối loạn lipid máu, di chứng nhồi máu não. Tại Văn bản số 335/BVNT-KHTT ngày 14-4-2023 của Bệnh viện N xác nhận không có điều trị vết thương mồm cụt cẳng chân phải của bà Nguyễn Thị X.

[8] Giai đoạn điều trị tại Bệnh viện R: Đến ngày 23-8-2019, bà N đưa bà X nhập viện tại Bệnh viện R. Căn cứ Công văn số 656/BVCRKHTH ngày 29-4-2021 của Bệnh viện R thể hiện nội dung chẩn đoán bà X lúc nhập viện là viêm phổi, suy hô hấp tăng thán, sốc (choáng) nhiễm khuẩn, suy giáp nguyên phát, di chứng tai biến mạch máu não. Đến ngày 28-8-2019 thì bà X tử vong, nguyên nhân là do viêm phổi, đồng thời Bệnh viện R không thể khẳng định được nguyên nhân viêm phổi. Văn bản này còn xác định: theo hồ sơ bệnh án, bác sĩ không ghi nhận tình trạng vết thương tại mồm cụt.

[9] Như vậy, đợt 2: từ ngày 24-6-2019 đến ngày 12-7-2019 tại Bệnh viện N và tại Bệnh viện R từ ngày 23-8-2019 đến ngày 28-8-2019 bà X không có điều trị vết thương do tai nạn giao thông gây ra và không có căn cứ xác định tai nạn giao thông ngày 29-3-2019 là nguyên nhân dẫn đến các bệnh lý được điều trị tại Bệnh viện N và tại Bệnh viện R. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận chi phí điều trị cho bà X tại Bệnh viện N đợt 2 và Bệnh viện R là có căn cứ; không chấp nhận chi phí điều trị đợt 1 tại Bệnh viện N là chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ, cần sửa án sơ thẩm, buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Lê Văn L có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị N đối với chi phí điều trị vết thương mồm cụt cẳng chân phải của bà Nguyễn Thị X là 10.765.892 đồng, viện phí không được chấp nhận là 4.730.324 đồng (15.496.216 đồng - 10.765.892 đồng).

[10] Về chi phí mua chân giả 27.000.000 đồng: Vào ngày 31-7-2019, bà N đặt 01 chân giả để hỗ trợ phục hồi chức năng đi lại cho bà X với số tiền là 27.000.000 đồng. Xét thấy, tai nạn giao thông ngày 29-3-2019, gây hậu quả phẫu thuật đoạn chi 1/3 chân phải của bà X, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 48%. Căn cứ điểm c Điều 7 Nghị Quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06-9-2022 thì chi phí lắp chân giả hỗ trợ hoặc thay thế một phần chức năng của cơ thể bị mất là khoản chi phí được bồi thường. Bà T là người kháng cáo yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý bồi thường chi phí đặt chân giả 27.000.000 đồng, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo và Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà T.

[11] Chi phí thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đến cơ sở khám chữa bệnh và trở về nơi ở từ ngày 13-5-2019 đến ngày 28-8-2019: 3.797.000 đồng. Bà N xác định chỉ yêu cầu bồi thường chi phí thuê phương tiện trong thời gian từ ngày 13-5-2019 đến ngày 28-8-2019, bà N đã thanh toán các khoản chi di chuyển trong khoảng thời gian này. Trong khoảng thời gian từ 29-3-2019 đến ngày 13-5-

2019, bị đơn đã thanh toán, bà N không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Xét thấy, ngày 13-5-2019, sau khi bà X bị té thì bà T vẫn đưa bà X đi tái khám vết thương phẫu thuật tại Bệnh viện C (bà T đã chi). Bà N đưa bà X nhập viện Bệnh viện N vào ngày 13-5-2019 đến ngày 14-6-2019, cụ thể: Ngày 13-5-2019 Taxi chuyển viện N: 100.000 đồng; ngày 14-6-2019 thuê xe xuất viện N về Long An: 600.000 đồng, tổng cộng 700.000 đồng là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận, vì thời gian này bà X điều trị vết thương mồm cụt chân phải tại Bệnh viện N (điều trị đợt 1). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà N về việc bồi thường chi phí di chuyển là không phù hợp, cần sửa bản án sơ thẩm đối với phần này.

[12] Sau đó, bà N thuê xe chở bà X nhập viện N từ ngày ngày 24- 6-2019 đến ngày 12-7-2019 (điều trị đợt 2); 06-08-2019 cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa Long An; 23-8-2019 chuyển Bệnh viện R; và ngày 28-8-2019 thuê xe từ Long An đến Bệnh viện R nhận thi thể bà X, chuyển bà X về CD mai táng, tổng cộng 3.097.000 đồng. Xét thấy những lần này bà X điều trị các bệnh lý khác (không có điều trị vết thương mồm cụt chân phải) nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà N là có cơ sở.

[13] Về Hợp đồng thuê người chăm sóc cho bà X từ ngày 13-5-2019 đến ngày 28-8-2019: 28.300.000 đồng. Bà N đưa bà X nhập viện Bệnh viện N vào ngày 13-5-2019 đến ngày 14-6-2019: Trong thời gian này bà X có điều trị vết thương mồm cụt chân phải, cụ thể: Ngày 13-5-2019 đến 18-5-2019: bà N có thuê bà Nguyễn Thị G chăm sóc (theo HĐ chăm sóc bệnh nhân ngày 13-5- 2019) là 1.750.000 đồng (05 ngày x 350.000đ/ngày); ngày 18-5-2019 đến 14-6- 2019 thuê bà Nguyễn Thị T1 (theo HĐ chăm sóc bệnh nhân ngày 18-5-2019) là 9.450.000 đồng (27 ngày x 350.000đ/ngày), tổng cộng 11.200.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[14] Không chấp nhận người nuôi bệnh tại Bệnh viện N thời gian 24-6-2019 đến ngày 12-7-2019 và Bệnh viện R từ 23-8-2019 đến ngày 28- 8-2019: 17.100.000 đồng, vì thời gian này bà X không có điều trị vết thương mồm cụt chân phải. Bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà N về việc thuê người chăm sóc cho bà X là không phù hợp, cần sửa án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N.

[15] Về số tiền thuê người chăm sóc còn nợ 1.000.000 đồng. Xét thấy, trong thời gian ở Bệnh viện P Thành phố Hồ Chí Minh, bà T và bà N có thống nhất thỏa thuận thuê bà Nguyễn Thị N1 là cháu bà X lên chăm sóc cho bà X với mức lương là 8.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, bà N1 lên được khoảng 11 ngày thì không làm nữa do việc gia đình, bà T có trả tiền công chăm sóc cho bà N1 là 2.000.000 đồng và bà N trả cho bà N1 1.000.000 đồng. Bà N có cung cấp “Giấy cam kết” ngày 15-12-2022 của bà Lê Thị N1 (có chứng thực của Văn phòng Công chứng CD) thể hiện: bà N có thuê bà N1 chăm sóc cho bà X tại Bệnh viện P với mức lương 8.000.000 đồng/tháng. Bà N1 làm được 11 ngày tương ứng 3.000.000 đồng. Bà T chỉ thanh toán cho bà N1 2.000.000 đồng nên bà N trả cho bà N1 1.000.000 đồng là phù hợp với việc bà T và bà N thống nhất thỏa thuận thuê bà N1 chăm

sóc cho bà X. Do đó, yêu cầu của bà N là có căn cứ chấp nhận, cần sửa bản án sơ thẩm do có chứng cứ mới.

[16] Đối với tiền mất thu nhập của bà X tính từ ngày 29-3-2019 đến ngày 28-8-2019 là 151 ngày, tiền công mỗi ngày là 150.000 đồng, thành tiền 22.650.000 đồng. Xét thấy, bà X sinh năm 1945, vào thời điểm xảy ra tai nạn giao thông bà X đã 74 tuổi là đã quá tuổi lao động. Căn cứ biên bản xác minh ngày 22-6-2022, Trưởng ấp 6 xã Phước Tuy cung cấp thông tin về điều kiện sinh sống của bà X trước khi chết thì bà X sinh sống bằng nguồn thu nhập từ việc cho thuê mướn ruộng. Tại Công văn số 979/PLĐTBOXH ngày 05-7-2022 của Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện CĐ thì bà X thuộc đối tượng được hưởng tiền trợ cấp hàng tháng. Như vậy, việc bà X bị tai nạn giao thông không làm ảnh hưởng đến thu nhập của bà X. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do thu nhập bị mất của bà X là có căn cứ.

[17] Tiền mất thu nhập của bà N yêu cầu tính từ ngày 29-3-2019 đến ngày 28-8-2019 là 142 ngày (trong đó từ ngày 04-5-2019 đến ngày 13-5-2019, bà N không yêu cầu), thu nhập mỗi ngày của bà N là 250.000 đồng, thành tiền là 35.500.000 đồng. Do bà N là người trực tiếp chăm sóc cho bà X.

[18] Thấy rằng, trong khoảng thời gian từ ngày 29-3-2019 đến ngày 04-5-2019, bà X được điều trị thương tích do tai nạn giao thông gây ra tại Bệnh viện C Thành phố Hồ Chí Minh và Bệnh viện P Thành phố Hồ Chí Minh, bà N trình bày bà có đến ở chăm sóc bà X cùng với bà T, ông L nhưng lời trình bày này không được bà T, ông L thừa nhận, bà N cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh trong khoảng thời gian từ 29-3-2019 đến ngày 04-5-2019 bà N có ở lại chăm sóc bà X. Tại Văn bản số 1683/BVCTCH-KHTH ngày 16-12-2022 của Bệnh viện C chỉ xác nhận ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị N có ký tên chấp nhận phẫu thuật, trong hồ sơ bệnh án không ghi nhận thông tin người nuôi bệnh.

[19] Trong khoảng thời gian từ ngày 13-5-2019 đến ngày 28-8-2019, Hội đồng xét xử xét thấy bà X được điều trị tại Bệnh viện N từ ngày 13-5-2019 đến ngày 14-6-2019 (điều trị đợt 1) bà N đã thuê người chăm sóc bà X là bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Thị T1. Từ ngày 24-6-2019 đến ngày 12-7-2019 bà X điều trị tại Bệnh viện N và từ ngày 23-8-2019 đến 28-8-2019 bà X điều trị tại Bệnh viện R với nhiều bệnh lý (không có điều trị vết thương mồm cụt chân phải do tai nạn giao thông) nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà N. Hơn nữa, bà N còn có thuê người chăm sóc cho bà X trong suốt thời gian từ ngày 13-5-2019 đến ngày 28-8-2019.

[20] Trong giai đoạn điều trị tại Bệnh viện P Thành phố Hồ Chí Minh bà N còn có thuê bà N1 chăm sóc cho bà X. Khi bà X điều trị tại Bệnh viện C và Bệnh viện P thì chi phí điều trị phần lớn do bảo hiểm chi trả, phần còn lại do bà T thanh toán nên bà T trình bày do bà T chăm sóc người bệnh là phù hợp hơn.

[21] Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm, bà N cũng xác định bà N không trực tiếp ở lại chăm sóc cho bà X trong thời gian bà X ở Trung tâm công tác xã hội

tỉnh Long An nên thu nhập của bà N không bị mất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà N về việc bồi thường thu nhập bị mất cho người chăm sóc là có căn cứ.

[22] Đối với chi phí sinh hoạt, ăn uống bồi dưỡng sức khỏe, đồ dùng sinh hoạt cho bà X tính từ ngày 13-5-2019 đến ngày 28-8-2019 là 50.470.500 đồng. Cụ thể: ngày 13-5-2019 đến ngày 18-5-2019 là 761.000 đồng do bà Nguyễn Thị G chi; ngày 18-5-2019 đến ngày 14-6-2019 là 6.835.000 đồng do bà Nguyễn Thị T1 chi; ngày 24-6-2019 đến ngày 12-7-2019 là 8.830.000 đồng do bà Nguyễn Thị T1 chi; ngày 12-7-2019 đến ngày 31-7-2019 là 2.360.000 đồng do bà Trần Thị Bích H1 chi; ngày 01-8-2019 đến ngày 24-8-2019 là 4.684.500 đồng do bà Lê Thị T2 chi; tiền mua dung dịch NP (Nature Power có công dụng bổ sung các Vitamin C, E, B2..., các khoáng chất và các dinh dưỡng từ thực vật cho cơ thể) là 27.000.000 đồng.

[23] Xét thấy, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06-9-2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho người bị thiệt hại được xác định là 01 ngày lương tối thiểu vùng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho 01 ngày khám bệnh, chữa bệnh theo số ngày trong hồ sơ bệnh án. Từ ngày 13-5-2019 đến ngày 14-6-2019 (điều trị đợt 1) bà X được điều trị tại Bệnh viện N đối với móm cụt chân phải do tai nạn giao thông gây ra là 32 ngày tương ứng 32 ngày lương tối thiểu vùng là 5.760.000 đồng (4.680.000 đồng/tháng chia cho 26 ngày nhân 32 ngày). Như vậy, yêu cầu của bà N được chấp nhận một phần với số tiền là 5.760.000 đồng; phần không được chấp nhận với số tiền là 44.710.500 đồng (50.470.500 đồng - 5.760.000 đồng).

[24] Bà N yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần (cho người bị thiệt hại và thân nhân người bị thiệt hại) theo quy định của pháp luật là 50 lần mức lương cơ sở là 74.500.000 đồng (1.490.000 đồng x 50). Xét thấy, bà X bị tai nạn giao thông, hậu quả làm bà X bị thương phải phẫu thuật đoạn 1/3 chân phải, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 48%. Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp sức khỏe của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại về các chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại...và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu do ảnh hưởng đến thẩm mỹ, giao tiếp xã hội và sinh hoạt cá nhân. Bà N yêu cầu khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần với mức 50 lần mức lương cơ sở là quá cao nên chỉ chấp nhận 1 phần với số tiền 37.250.000 17 đồng, tương ứng với 25 tháng lương cơ sở (25 tháng x 1.490.000 đồng/tháng) là phù hợp với khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015, phần không được chấp nhận là 37.250.000 đồng. Do bà X đã chết nên những người thừa kế của bà X (nếu có) được hưởng số tiền này. Số tiền 37.250.000 đồng tạm giao cho bà N quản lý, quyền, nghĩa vụ của người thừa kế của bà X (nếu có) sẽ được Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[25] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần do bà X bị xâm phạm sức khỏe là chưa phù hợp. Bà N yêu cầu bồi thường

tổn thất tinh thần cho thân nhân người bị thiệt hại là không có cơ sở chấp nhận, vì bà X tử vong do bệnh lý khác, không phải do tai nạn giao thông gây ra.

[26] Về chi phí mai táng 122.703.000 đồng, bao gồm: tiền chợ 18.503.000 đồng; tiền hoa quả bánh 1.850.000 đồng; tiền thợ hòm 42.350.000 đồng; tiền làm mộ trọn gói 60.000.000 đồng. Tại Công văn số 544/BVCTCH-KHTH ngày 10-5-2021 của Bệnh viện C Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi điều trị tại Bệnh viện C Thành phố Hồ Chí Minh lần 2 khi xuất viện thì tình trạng bệnh của bà X tạm ổn, theo Giấy chứng nhận thương tích tỷ lệ tổn thương cơ thể là 48%. Tại Công văn số 656/BVCR-KHTH ngày 29-4-2021 của Bệnh viện R xác định bà X tử vong là do viêm phổi, đồng thời Bệnh viện R không thể khẳng định được nguyên nhân viêm phổi. Theo biên bản từ chối không hợp tác khám nghiệm tử thi do Điều tra viên Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện CD lập vào ngày 28-8-2019 thể hiện thân nhân của bà X gồm có bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn T5 kiên quyết từ chối khám nghiệm tử thi đối với bà X và cho rằng bà X bị bệnh nên tử vong.

[27] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N cho rằng bên phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc cho bà X chu đáo khi tai nạn giao thông xảy ra nên mới dẫn đến việc bà X bị bệnh và tử vong để yêu cầu bên phía bị đơn bồi thường thiệt hại chi phí mai táng, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày này của nguyên đơn là không có căn cứ. Bà X chết vào ngày 28-8-2019, trong khi đó ngày xảy ra tai nạn giao thông là 29-3-2019, là cách nhau 05 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy không có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi gây tai nạn giao thông của phía bị đơn và tử vong của bà X. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc bồi thường chi phí mai táng là có căn cứ.

[28] Với nhận định nêu trên, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của Nguyễn Thị N, sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N. Buộc bà T, ông L có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bà N số tiền 56.425.892 đồng. Buộc bà T, ông L có trách nhiệm liên đới bù đắp tổn thất về tinh thần của bà Nguyễn Thị X với số tiền 37.250.000 đồng, số tiền này tạm giao cho bà Nguyễn Thị N quản lý. Không chấp nhận yêu cầu của bà N đối với số tiền 287.740.824 đồng.

[29] Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ một phần.

[30] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp.

[31] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N và bà T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí. Ông L phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, tương ứng với phần trách nhiệm bồi thường của ông là 2.342.000 đồng.

[32] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà N không phải chịu án phí, bà T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của Nguyễn Thị N;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T;

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện CD;

Căn cứ khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm d, điểm h khoản 1 Điều 40; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ Điều 12, Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Lê Văn L về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm”.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Lê Văn L có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 56.425.892 đồng, gồm các chi phí: khám bệnh, chữa bệnh 10.765.892 đồng, mua chân giả 27.000.000 đồng, thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đến cơ sở khám chữa bệnh và trở về nơi ở 700.000 đồng, thuê người chăm sóc 12.200.000 đồng, bồi dưỡng sức khỏe 5.760.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Lê Văn L có trách nhiệm liên đới bù đắp tổn thất về tinh thần của bà Nguyễn Thị X với số tiền 37.250.000 đồng, số tiền này tạm giao cho bà Nguyễn Thị N quản lý.

Không chấp nhận yêu cầu của bà N đối với số tiền 287.740.824 đồng, gồm các chi phí: khám bệnh, chữa bệnh 4.730.324 đồng, thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đến cơ sở khám chữa bệnh và trở về nơi ở 3.097.000 đồng, thuê người chăm sóc 17.100.000 đồng, bồi dưỡng sức khỏe 44.710.500 đồng, tổn thất về tinh thần 37.250.000 đồng, tiền mất thu nhập của bà X 22.650.000 đồng, tiền mất thu nhập của bà N 35.500.000 đồng, mai táng phí 122.703.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị Ngọc T được miễn án phí.

Ông Lê Văn L phải chịu 2.342.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

NỘI DUNG ÁN LỆ

“[24] Bà N yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần (cho người bị thiệt hại và thân nhân người bị thiệt hại) theo quy định của pháp luật là 50 lần mức lương cơ sở là 74.500.000 đồng (1.490.000 đồng x 50). Xét thấy, bà X bị tai nạn giao thông, hậu quả làm bà X bị thương phải phẫu thuật đoạn 1/3 chân phải, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 48%. Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp sức khỏe của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại về các chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại...và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu do ảnh hưởng đến thẩm mỹ, giao tiếp xã hội và sinh hoạt cá nhân. Bà N yêu cầu khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần với mức 50 lần mức lương cơ sở là quá cao nên chỉ chấp nhận 1 phần với số tiền 37.250.000 đồng, tương ứng với 25 tháng lương cơ sở (25 tháng x 1.490.000 đồng/tháng) là phù hợp với khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015, phần không được chấp nhận là 37.250.000 đồng. Do bà X đã chết nên những người thừa kế của bà X (nếu có) được hưởng số tiền này. Số tiền 37.250.000 đồng tạm giao cho bà N quản lý, quyền, nghĩa vụ của người thừa kế của bà X (nếu có) sẽ được Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu”.